

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29/11/2021
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thành Phước
2. Bà Lê Thị Hồng Nhan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 108/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 27/9/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 14/10/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc T, sinh năm 1979 (xin vắng).

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Cao Quốc T, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Hộ khẩu thường trú: ấp L, xã T, huyện B, tỉnh B.

Địa chỉ tạm trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2021 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Ngọc T trình bày: Trên cơ sở tự tìm hiểu quen biết chị và anh Cao Quốc T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện MC (Nay là huyện M), tỉnh B vào ngày 03/5/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại ấp T, xã T. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc đến năm 2014 thì mất hạnh phúc, nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau, khác biệt quan điểm sống, anh T không chăm lo kinh tế gia đình nên trong tình cảm vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng. Năm 2017 chị có nộp đơn xin ly hôn nhưng được hàn gắn tình cảm vợ chồng về tiếp tục

chung sống nhưng anh T không thay đổi nên vợ chồng chính thức sống ly thân từ tháng 01/2021 đến nay nhưng cả vợ chồng chị đều không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Cao Quốc T. Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Cao Quốc H, sinh ngày 28/10/2008 và Cao Quốc H, sinh ngày 17/10/2014, hiện hai con đang sống chung với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi hai con; Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Lê Ngọc T trình bày tài sản chung, nợ chung không có. Vì bận đi làm nên chị xin vắng mặt trong những lần Tòa án mời.

Bị đơn anh Cao Quốc T vắng mặt vào những lần Tòa án mời nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý đến xét xử; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình cụ thể vắng mặt vào các lần Tòa án mời; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Ngọc T; Về con chung: chị Lê Ngọc T được trực tiếp nuôi hai con chung tên Cao Quốc H, sinh ngày 28/10/2008 và Cao Quốc H, sinh ngày 17/10/2014, anh Cao Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi hai con do chị T không có yêu cầu; Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Lê Ngọc T trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn Cao Quốc T có tạm trú và hiện đang có mặt, sinh sống tại xã T, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh B thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Ngọc T đối với anh Cao Quốc T, thấy rằng: Về hôn nhân: Chị T và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị T cho rằng nguyên nhân chị xin ly hôn với anh T là vợ chồng không hợp nhau, khác biệt quan điểm sống, anh T không chăm lo kinh tế gia đình nên

trong tình cảm vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nghiêm trọng, do không thể hàn gắn được nữa nên chị xin ly hôn với anh T. Phía anh T được Tòa án mời tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không đến cũng không có văn bản thể hiện ý kiến của mình hay phản bác về các yêu cầu khởi kiện của chị T chứng tỏ anh T không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T, trong đời sống vợ chồng có mâu thuẫn lẽ ra anh chị phải tìm cách khắc phục hạn chế của bản thân nhưng cả chị T và anh T không vì nhau mà thay đổi bản thân theo hướng tốt hơn mà chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình anh chị không khắc phục được để mâu thuẫn dần lớn suốt thời gian dài và nay chị T kiên quyết xin ly hôn với anh T. Từ những lập luận trên nghĩ rằng hôn nhân của anh chị mặc dù xuất phát từ những mâu thuẫn rất nhỏ nhất trong đời sống hằng ngày nhưng do bản thân anh chị không cố gắng khắc phục nên đến nay mâu thuẫn của vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Ngọc T là có căn cứ. Về con chung: Cao Quốc H, sinh ngày 28/10/2008 và Cao Quốc H, sinh ngày 17/10/2014, hiện hai con đang sống chung với chị Thu, sau khi ly hôn chị cũng có nguyện vọng được nuôi hai con chung không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi hai con. Tại biên bản ghi ý kiến con chưa thành niên đề ngày 10/5/2021 cháu H và H đều có nguyện vọng được sống với mẹ và lại từ khi anh chị sống ly thân đến nay hai con chung đều do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, để cuộc sống của các cháu không bị xáo trộn khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử nghĩ để chị T tiếp tục nuôi cháu H và H là phù hợp, chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận; Về chia tài sản khi ly hôn: Chị Lê Ngọc T trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[3] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Lê Ngọc T phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] *Về hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Ngọc T.

Chị Lê Ngọc T được ly hôn với anh Cao Quốc T.

[2] *Về con chung*: Chị Lê Ngọc T được trực tiếp nuôi hai con chung tên Cao Quốc H, sinh ngày 28/10/2008 và Cao Quốc H, sinh ngày 17/10/2014, hiện hai con đang sống chung với chị T, anh Cao Quốc T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân

sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] *Về chia tài sản khi ly hôn*: Chị Lê Ngọc T trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên không đề cập.

[4] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Chị Lê Ngọc T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0000660 ngày 15/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh B nên không còn phải nộp thêm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được công bố để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B (1b);
- VKSND huyện M (2b);
- Chi Cục THADS huyện M (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã T, huyện M (Nay là huyện MN),
Mẫu BTP/HT-2006-KH.1, số 48, quyển số 01,
ngày 03/5/2008 (01b);
- Lưu: Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Nhó